TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T M** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 02/6/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T M - TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **An Văn Khoái**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Chuyền.

2. Ông Triệu Duy Tỏi.

- Thư ký phiên toà: Ông **Bùi Hoàng Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T M, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T M *tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Diên** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T M, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **T V T** - sinh năm 1973.

ĐKHKTT: Thôn H B, xã L H, huyện T M, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị **B T M** - sinh năm 1980.

ĐKHKTT: Thôn H B, xã L H, huyện T M, tỉnh Hải Dương.

Anh Thường có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Mai vắng mặt lần 2 đã được tống đạt hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình khai tại Toà án nguyên đơn anh T V T trình bày:

Anh và chị B T M kết hôn năm 1998, đăng ký kết hôn tại UBND xã L H, huyện T M, tỉnh Hải Dương ngày 12/08/1998. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do, tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ được

12 năm thì ra ở riêng quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn cãi cọ và đánh nhau. Nguyên nhân là do tính nết vợ chồng không hợp nhau, không thống nhất được cuộc sống chung, đỉnh điểm mâu thuẫn là đầu năm 2021, anh Thường nghi ngờ chị Mai không chung thủy với mình nên vợ chồng lại cãi cọ nhau và đánh nhau, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không được, vợ chồng đã chính thức ly thân nhau từ ngày 04/01/2022 đến nay không ai còn quan tâm đến ai, ăn riêng, ngủ riêng, làm riêng, sinh hoạt riêng mặc dù vẫn sống chung trong một mái nhà. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh Thường đề nghị Tòa án nhân dân huyện T M giải quyết cho anh được ly hôn chị Mai.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm: T N S, sinh ngày 30/8/1998 và T T B L, sinh ngày 12/10/2006. Hiện tại cháu Sơn đã trên 18 tuổi, có gia đình riêng anh Thường không yêu cầu Tòa án giải quyết; Cháu T T B L, sinh ngày 12/10/2006, hiện đang ở cùng với anh và chị Mai, cháu Loan có nguyện vọng xin được với chị Mai, chị Mai cũng xin nhận nuôi cháu Loan và tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh đồng ý để chị Mai nuôi cháu Loan.

Về quan hệ tài sản chung: Anh Thường và chị Mai tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Toà án giải quyết. Nếu sau này không giải quyết được anh sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

***Trong biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn chị B T M trình bày*:**

Về điều kiện, thời gian kết hôn như anh Thường trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ anh Thường được khoảng hơn 10 năm thì ra ở riêng, quá trình chung sống vợ chồng đã mâu thuẫn, thậm trí sau khi cưới được 04 ngày chị đã bị anh Thường đánh và đuổi đi. Mâu thuẫn đỉnh điểm là đầu năm 2021 máy điện thoại của chị nhận được tin nhắn của người lạ anh Thường ghen tuông nên đã chửi bới, đánh chị. Hiện tại chị và anh Thường vẫn chung sống trong một mái nhà nhưng từ ngày 04/01/2022 vợ chồng đã ăn riêng, ngủ riêng, không quan tâm đến công việc của nhau. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhưng không được. Chị xác định chị và anh Thường đã ly thân nhau từ ngày 04/01/2022 đến nay. Hiện tại anh Thường xin ly hôn chị không đồng ý ly hôn đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, chị xác định không có biện pháp gì níu kéo tình cảm vợ chồng với anh Thường.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Thường có 02 con chung gồm: T N S, sinh ngày 30/8/1998 và T T B L, sinh ngày 12/10/2006. Hiện tại cháu Sơn đã trên 18

tuổi, có gia đình riêng chị Mai không yêu cầu Tòa án giải quyết; Cháu T T B L, sinh ngày 12/10/2006, hiện đang ở với chị và anh Thường, nguyện vọng của cháu Loan xin được ở với chị nên chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Loan cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Thường cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương xác định, biên bản lấy lời khai của cháu T T B L (con đẻ anh Thường, chị Mai): Trong quá trình chung sống anh Thường và chị Mai đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi cọ và đánh nhau. Nguyên nhân là do ghen tuông nhau, hiện tại anh chị vẫn sống chung trong một nhà nhưng đã ly thân nhau, ăn riêng, ngủ riêng, không ai quan tâm đến ai. Địa phương đề nghị Tòa án nhân dân huyện T M hòa giải để anh chị về chung sống nuôi dạy con chung, nếu không hòa giải được thì để nghị giải quyết cho anh Thường và chị Mai ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu T T B L xác định trong quá trình chung sống anh Thường và chị Mai đã nhiều lần mâu thuẫn, hiện tại anh chị sống ly thân mặc dù sống chung trong một mái nhà. Ly hôn nguyện vọng của cháu Loan xin được ở với chị Mai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T M xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Đối với các đương sự: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15 Điều 70 BLTTDS. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV QH 14 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh T V T được ly hôn chị B T M.

- Về con chung: Giao con chung là T T B L, sinh ngày 12/10/2006 hiện đang ở với anh Thường và chị Mai cho chị Mai tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Mai tự nguyện không yêu cầu anh Thường cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí: Anh T V T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Mai đã được tòa án nhân dân huyện T M tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Anh Thường vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh T V T và chị B T M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L H, huyện T M, tỉnh Hải Dương ngày 12/08/1998 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng tổ chức cuộc sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính nết không hợp nhau nên thường xuyên cãi cọ nhau, vợ chồng đã nhiều lần đánh nhau, đỉnh điểm mâu thuẫn là đầu năm 2021 vợ chồng đã ghen tuông nhau, đánh nhau, bản thân hai bên gia đình cũng đã can thiệp hòa giải nhưng không được. Thực tế từ ngày 04/01/2022, vợ chồng đã ly thân nhau mặc dù vẫn sống chung trong một mái nhà, nhưng ăn riêng, ngủ riêng, không quan tâm đến công việc làm ăn của nhau, cuộc sống lúc nào cũng căng thẳng, nhìn thấy nhau là gây ức chế cho nhau, không mang đến cho nhau hạnh phúc, bình yêu trong mội ngôi nhà cùng con cái. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Thường và chị Mai đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Mai không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp gì để níu kéo hạnh phúc gia đình là cố tình gây khó khăn cho anh Thường nên cần áp dụng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014, xử cho anh Thường được ly hôn chị Mai để bảo vệ quyền lợi của anh Thường và giúp chị Mai, anh Thường sớm ổn định cuộc sống riêng.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm T N S, sinh ngày 30/8/1998 và T T B L, sinh ngày 12/10/2006. Hiện tại cháu Sơn đã trưởng thành (trên 18 tuổi) có gia đình riêng nên không đặt ra để giải quyết. Cháu T T B L hiện đang ở với anh Thường, chị Mai. Cháu Loan có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn xin được ở với chị Mai, anh Thường chị Mai cũng đã thống nhất thỏa thuận nếu ly hôn sẽ giao cháu Loan cho chị Mai trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Xét thấy sự thỏa thuận của anh Thường và chị Mai là tự nguyện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử cần công nhận sự thỏa thuận đó.

[4] Về án phí: Anh T V T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh T V T được ly hôn chị B T M.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh T V T và chị B T M giao con chung là T T B L, sinh ngày 12/10/2006 hiện đang ở với anh Thường và chị Mai cho chị Mai tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Mai tự nguyện không yêu cầu anh Thường cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh T V T có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được ngăn cản .

3. Về án phí: Anh T V T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số **AB/2020/0004135** ngày 14/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T M, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện T M;
- Chi cục THÁ dân sự huyện T M;
- UBND xã L H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

An Văn Khoái